

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH,
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HS-ST
Ngày 29-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Quý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thường
2. Ông Trần Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Hà Mạnh Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2019/TLST-HS ngày 05/7/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HS ngày 02/8/2019 đối với các bị cáo:

1. Bàn Văn L, sinh ngày 21/11/1977, tại xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Văn V (đã chết) và bà Trương Thị C; có vợ là Bàn Thị D và 04 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Bản án số 17/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (chưa thi hành); Bản án số 26/2018/HS-ST ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 13 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc, 27 tháng tù về tội Đánh bạc, tổng hợp hình phạt của Bản án số 17/2017/HSST của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ chuyển đổi thành 04 tháng tù. Tổng hợp hình phạt chung, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 44 tháng tù (chưa chấp hành, do được hoãn chấp hành hình phạt tù theo Quyết định số 02/2019/QĐ-CA ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang); tiền sự: Không; nhân thân: Ngoài hai lần phạm tội trên, không có lần nào vi phạm pháp luật để phải xử lý; bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2019, tạm giam từ ngày 26/4/2019; có mặt.

2. Hoàng Văn T, tên gọi khác: S, sinh ngày 10/02/1984, tại xã H, huyện X, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình E và bà Mã Thị I; có vợ là Nông Thị Q và 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự:

Không; nhân thân: Ngày 23/4/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xét xử sơ thẩm (Bản án số 24/2009/HSST) xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc (đã được miễn chấp hành hình phạt tù theo Quyết định số 35/QĐ-TA, ngày 12/10/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang); bị bắt tạm giữ từ ngày 22/4/2019, tạm giam từ ngày 26/4/2019; có mặt.

3. Nông Quốc H, sinh ngày 12/12/1972, tại xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn S, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn Y (đã chết) và bà Lý Thị X; có vợ là Nguyễn Thị O và 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02/8/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm (Bản án số 12/2013/HSPT) xử phạt 04 tháng tù về tội Đánh bạc (đã chấp hành xong, đương nhiên được xóa án tích); bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2019, tạm giam từ ngày 26/4/2019; có mặt.

4. Mai Văn A, sinh ngày 08/10/1986, tại xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn K, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Thiết G (đã chết) và bà Lý Thị Đ; có vợ là Tần Thị M và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2019, tạm giam từ ngày 26/4/2019, thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh từ ngày 15/5/2019, hiện bị cáo tại ngoại; có mặt.

5. Nông Văn B, sinh ngày 20/01/1980, tại xã H, huyện X, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn K, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Đức K (đã chết) và bà Vũ Thị R; có vợ là Lê Thị P (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2019, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/4/2019; hiện bị cáo tại ngoại; có mặt.

Người có quyền lợi liên quan: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1952; nơi cư trú: Thôn K, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 20/4/2019 Hoàng Văn T đến nhà Mai Văn A chơi. Khoảng 22 giờ cùng ngày Nông Quốc H trên đường từ X về, đến khu vực Thôn K, xã Y thì gặp Bàn Văn L, H rủ L vào nhà A (người quen của H) chơi, sau đó cả 04 người cùng nhau ngồi uống nước, nói chuyện. Trong khi nói chuyện có nói đến trai gái và cờ bạc, sau đó T nói "*hay là làm tí nhĩ*" ý là rủ mọi người đánh bạc. Sau khi nghe T nói như vậy A nói "*chơi tí cho vui*", tất cả đều đồng ý không ai có ý kiến gì.

Sau đó T lấy dao tre thanh tre làm thành 04 quân vị kích thước vuông 01cm x 01cm, dày 01mm, một mặt T lấy mẩu dây cao su đốt rồi hơ thành màu đen, mặt còn lại để trắng tự nhiên. Sau khi T làm xong quân vị, A đi lấy bát đĩa (lúc đó khoảng 23 giờ cùng ngày), A sợ ảnh hưởng đến vợ con đang ngủ nên bảo mọi người đi bộ lên lán trồng vườn cam của gia đình anh Nguyễn Văn Q (do anh Q đi làm ăn xa nên giao cho bà Phạm Thị N là mẹ đẻ của anh Q quản lý, trông coi) cách nhà A khoảng 500 mét để đánh bạc, đến nơi A gọi điện thoại cho Nông Văn B trú cùng thôn bảo B mang nước uống lên lán cho A. Vào trong lán T, H, L, A, (B đến sau) ngồi lên 03 tấm đệm xốp cũ đã được rải sẵn dưới nền từ trước, lấy quân vị và bát đĩa mang theo để đánh bạc với nhau bằng hình thức xóc đĩa, A là người cầm cái, đặt 4 quân vị lên đĩa, úp chiếc bát sứ lên, người chơi đặt tiền mỗi ván từ 50.000đ đến 100.000đ, sau đó người cầm cái mở bát, nếu thấy có 04 quân đen, 04 quân trắng hoặc 02 quân đen, 02 quân trắng là cửa chắn, còn 01 quân trắng, 03 quân đen hoặc 03 quân trắng, 01 quân đen là cửa lẻ. Người chơi tự đặt tiền cửa chắn hoặc cửa lẻ. Nếu người chơi đặt tiền cửa lẻ mà kết quả xóc quân vị lật lẻ hoặc người chơi đặt tiền cửa chắn mà kết quả xóc quân vị lật chắn, thì người chơi thắng và được nhận số tiền bằng với số tiền người chơi đã đặt chơi ván đó. Ngược lại nếu người chơi đặt cửa lẻ mà kết quả quân vị lật chắn hoặc người chơi đặt cửa chắn mà kết quả quân vị lật lẻ thì người chơi mất số tiền đã đặt chơi ván đó. Người chơi có thể đánh với người cầm cái hoặc đánh riêng với những người khác cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 21/4/2019 khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị tổ công tác Công an huyện Quang Bình bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.200.000đ. Mai Văn A và Hoàng Văn T bỏ trốn, đến 15 giờ chiều cùng ngày A đến Công an huyện Quang Bình đầu thú, ngày 22/4/2019 T ra đầu thú.

Bị cáo Bàn Văn L khai nhận: Là người trực tiếp tham gia đánh bạc, số tiền mang theo khoảng 1.700.000đ, quá trình đánh bạc lúc thua, lúc thắng nhưng không kiểm đếm số tiền thua, thắng và số tiền còn lại, khi bị bắt quả tang Công an huyện Quang Bình đã thu giữ toàn bộ số tiền.

Bị cáo Hoàng Văn T khai nhận: Là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ phạm tội (quân vị) và tham gia đánh bạc. Do không có tiền nên ngồi xem A, L, H đánh bạc mấy ván đầu, sau đó xin H được 100.000đ để đánh bạc, khi bắt quả tang T có 120.000đ cầm theo chạy trốn và chỉ tiêu cá nhân hết.

Bị Cáo Nông Quốc H khai nhận: Là người trực tiếp tham gia đánh bạc, số tiền mang theo khoảng 3.000.000đ, H cho T 100.000đ để đánh bạc, quá trình đánh bạc lúc thua, lúc thắng nhưng không kiểm đếm số tiền thua, thắng và số tiền còn lại, khi bị bắt quả tang Công an huyện Quang Bình đã thu giữ toàn bộ số tiền.

Bị cáo Mai Văn A khai nhận: Là người mang theo bát, đĩa để xóc đĩa, cầm cái để đánh bạc, số tiền mang theo khoảng 2.200.000đ, cho B vay 500.000đ để đánh bạc, quá trình đánh bạc lúc thua, lúc thắng nhưng không kiểm đếm số tiền thua, thắng và số tiền còn lại, khi bắt quả tang chạy trốn đã bỏ lại toàn bộ số tiền tại chiếu bạc.

Bị cáo Nông Văn B khai nhận: Khi cầm chai nước uống lên lán cho A, thấy A, L, H, T đang đánh bạc, B ngồi xem mấy ván rồi lấy 200.000đ mang theo để đánh bạc, đánh được mấy ván thì bị thua hết tiền, sau đó vay của A 500.000đ để đánh tiếp, khi bị bắt quả tang Công an huyện Quang Bình đã thu giữ toàn bộ số tiền.

Quá trình điều tra chứng minh được tổng số tiền Bàn Văn L, Hoàng Văn T, Nông Quốc H, Mai Văn A, Nông Văn B dùng để đánh bạc tối 20/4/2019 là **6.320.000đ**, trong đó 6.200.000đ thu tại chiếu bạc, 120.000đ Hoàng Văn T cầm theo lúc chạy trốn đã tiêu hết.

Tại bản Kết luận giám định số 177/KL-PC09 ngày 02/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Hà Giang, kết luận 28 tờ tiền Việt Nam, trị giá 6.200.000đ gửi giám định là tiền thật.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 05/7/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Bàn Văn L, Hoàng Văn T, Nông Quốc H, Mai Văn A, Nông Văn B về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên và xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra bị cáo A và bị cáo B xin được hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân ốm đau bệnh tật phải điều trị thường xuyên.

Người có quyền lợi liên quan không yêu cầu trả lại vật chứng là 03 mảnh đệm xóp cũ vì lý do đệm xóp đã cũ, không còn giá trị.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bàn Văn L, Hoàng Văn T, Nông Quốc H, Mai Văn A, Nông Văn B phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bàn Văn L. Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 44 tháng tù về tội Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HS-ST, ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 53 đến 56 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T. Xử phạt bị cáo từ 06 đến 08 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Quốc H. Xử phạt bị cáo từ 06 đến 08 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mai Văn A. Xử phạt bị cáo từ 06 đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn B. Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự, không có, không xem xét. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 6.200.000đ. Trả lại cho các bị cáo Bàn Văn L 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A37; Nông Quốc H 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7; Mai Văn A 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A83; Nông Văn B 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIETTEL V6216R; Hoàng Văn T 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIETTEL V6214. Tịch thu tiêu hủy 03 mảnh đệm xóp màu trắng đã qua sử dụng; 01 chiếc bát sứ màu trắng; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị bằng tre đóm; 01 đôi dép giả da

màu nâu đen; 01 đôi dép nhựa màu đen. Truy thu của bị cáo Hoàng Văn T 120.000đ sung vào ngân sách nhà nước. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát huyện Quang Bình, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp; về tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; biên bản khám nghiệm hiện trường kèm sơ đồ, bản ảnh và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội được thể hiện: Trong khoảng thời gian từ 23 giờ 30 phút ngày 20/4/2019 đến 01 giờ ngày 21/4/2019, tại lán trồng vườn cam của gia đình anh Nguyễn Văn Q (do bà Phạm Thị N quản lý, trông coi) thuộc Thôn K, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang, các bị cáo Bàn Văn L, Hoàng Văn T, Nông Quốc H, Mai Văn A, Nông Văn B thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là **6.320.000đ**, trong đó tiền thu trên chiếu bạc 6.200.000đ, tiền bị cáo Hoàng Văn T bỏ trốn cầm theo 120.000đ. Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định *“Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*. Như vậy hành vi của các bị cáo đã phạm tội Đánh bạc, Viện kiểm sát quyết định truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến nếp sống văn minh, trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự tại địa phương, đánh bạc là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng khác như trộm cắp, gây thương tích, giết người, cướp tài sản. Để ngăn chặn và phòng ngừa tội phạm này, cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự đối với các bị cáo.

[3] Tính chất, vai trò của đồng phạm, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo: Vụ án có nhiều người cố ý cùng thực hiện một tội phạm, là đồng phạm, nhưng giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ nên không bị coi là phạm tội có tổ chức.

Đối với bị cáo Bàn Văn L là người thực hành, trực tiếp thực hiện tội phạm, về mức độ phạm tội như những bị cáo khác. Tuy nhiên, nhân thân của bị cáo không tốt, năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (Bản án số 17/2017/HSST, ngày 28/9/2017). Cùng trong thời gian này bị cáo phạm các tội Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 40 tháng tù, tổng hợp hình phạt của Bản án số 17/2017/HSST, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 44 tháng tù (Bản án số 26/2018/HS-ST, ngày 15/5/2018). Trong thời gian được hoãn chấp hành án, bị cáo tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo khác trong vụ án, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Do bị cáo chưa chấp hành 44 tháng tù về các tội Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc của Bản án số 26/2018/HS-ST, ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt chung.

Đối với bị cáo Hoàng Văn T là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ phạm tội (quân vi) và thực hành, trực tiếp thực hiện tội phạm. Về tính chất, mức độ phạm tội lớn hơn so với bị cáo khác, phải chịu mức hình phạt cao hơn. Nhân thân của bị cáo không tốt, năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm, xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (Bản án số 24/2009/HSST, ngày 23/4/2009), bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù nên không bị coi là tiền án, nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, mà lại tiếp tục phạm tội cùng loại tội phạm, khi bắt quả tang bị cáo bỏ trốn, nên phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, số tiền tham gia đánh bạc ít (100.000đ), không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng.

Đối với bị cáo Nông Quốc H là người thực hành, trực tiếp thực hiện tội phạm. Về mức độ phạm tội như những bị cáo khác, chịu mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, bị cáo có số tiền tham gia đánh bạc nhiều hơn (3.000.000đ). Nhân thân của bị cáo không tốt, năm 2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm, xử phạt 04 tháng tù về tội Đánh bạc (Bản án số 12/2013/HSPT, ngày 02/8/2013), bị cáo đã chấp hành xong nên không bị coi là tiền án, nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, mà lại tiếp tục phạm tội cùng loại tội phạm, nên phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng.

Đối với bị cáo Mai Văn A là người mang theo công cụ phạm tội (bát, đĩa để xóc đĩa) và thực hành, trực tiếp thực hiện tội phạm (cầm cái để đánh bạc), khi bắt quả tang bị cáo bỏ trốn, cùng ngày ra đầu thú. Về mức độ phạm tội lớn hơn so với bị cáo khác, phải chịu mức hình phạt cao hơn. Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo bản thân, bị cáo mắc bệnh tim phải chữa trị thường xuyên. Do đó, thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo được sự giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Đối với bị cáo Nông Văn B là người thực hành, trực tiếp thực hiện tội phạm ở mức độ thấp hơn (tham gia đánh bạc sau cùng, số tiền ít). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo bản thân, hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ đã ly hôn, là lao động chính duy nhất trực tiếp nuôi mẹ già. Do đó, thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đảm bảo được sự giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung; khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, ngoài ra theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nông Văn B bị khấu trừ thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo sinh sống trong vùng nông thôn, nghề nghiệp làm ruộng, thu nhập thấp và không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, cho miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo B.

[5] Về trách nhiệm dân sự trong vụ án: Không có, nên không xem xét.

[6] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ một số vật chứng, cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý như sau: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền phạm tội 6.200.000đ. Trả lại cho các bị cáo số điện thoại không liên quan đến hành vi phạm tội, của Bàn Văn L 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A37, vỏ màu bạc; Nông Quốc H 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7, màu đen; Mai Văn A 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A83, màu bạc; Nông Văn B 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIETTEL

V6216R, màu đỏ; Hoàng Văn T 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIETTEL V6214, màu đen. Tịch thu tiêu hủy số tài sản là công cụ phạm tội và số tài sản không còn giá trị, không sử dụng được gồm: 03 mảnh đệm xốp màu trắng đã qua sử dụng; 01 chiếc bát sứ màu trắng; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng; 04 quần vị bằng tre đóm; 01 đôi dép giả da màu nâu đen; 01 đôi dép nhựa màu đen.

[7] Về biện pháp tư pháp: Số tiền 120.000đ là tiền phạm tội, bị cáo Hoàng Văn T bỏ trốn đã mang theo và chi tiêu cá nhân hết, cần truy thu, sung vào ngân sách nhà nước, theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các bị cáo, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bàn Văn L, Hoàng Văn T (tên gọi khác là S), Nông Quốc H, Mai Văn A, Nông Văn B phạm tội Đánh bạc.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bàn Văn L 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 44 tháng tù về các tội Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc của Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HS-ST, ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang. Buộc bị cáo Bàn Văn L phải chấp hành hình phạt chung là 53 (năm mươi ba) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/8/2017 đến ngày 08/02/2018. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam - ngày 21/4/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T, tên gọi khác là S 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam - ngày 22/4/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Quốc H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam - ngày 21/4/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Văn A 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Mai Văn A cho UBND xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Mai Văn A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn B 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, tính từ ngày UBND xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo Nông Văn B cho UBND xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo Nông Văn B có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Y trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nông Văn B.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 6.200.000đ (sáu triệu hai trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Tịch thu tiêu hủy 03 (ba) mảnh đệm xốp màu trắng có bảm dính chất màu đen, kích thước cả ba mảnh tương ứng bằng nhau gồm chiều rộng 66 cm, chiều dài 1,57m, độ dày 6,5cm, đệm cũ đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng có hoa văn màu xanh, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng có hoa văn màu đỏ, vàng, đã qua sử dụng; 04 (bốn) quân vị bằng tre đóm, một mặt bôi đen, mặt còn lại để trắng tự nhiên, có kích thước 01cm x 01cm, độ dày 01mm; 01 (một) đôi dép giả da màu nâu đen, nhãn hiệu Xiang Ren, đã qua sử dụng; 01 (một) đôi dép nhựa màu đen có viền màu đỏ ở quai và đế dép, nhãn hiệu Sport, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Bàn Văn L 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A37; vỏ màu bạc, màn hình bị nứt, vỡ; có số IMEI: 866346032629073, 866346032629065, có gắn thẻ sim mang số thuê bao 0337666848 trên thẻ sim có dãy số 8984, 04800, 00265, 17228.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu VIETTEL V6214; màu đen; có số IMEI: 359703086619422; có gắn 02 thẻ sim mang số thuê bao gồm 0343336992, trên thẻ sim có dãy số 89840, 20002, 16728, 16839 và 0834870156 trên thẻ sim có dãy số 8984, 0488, 5100, 1089, 613.

- Trả lại cho bị cáo Nông Quốc H 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7; màu đen; có các số IMEI: 352808092493394/01, 35280809092493392/01; có gắn thẻ sim mang số thuê bao 0868114622, trên thẻ sim có dãy số 8984, 04800, 88272, 18262 và 01 thẻ sim có số thuê bao 0378421883 trên thẻ sim có dãy số 8984, 0488, 4100, 7873, 416.

- Trả lại cho bị cáo Mai Văn A 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A83; màu bạc, có ốp lưng màu vàng; có số IMEI: 868916033097070, 868916033097062; có gắn thẻ sim mang số thuê bao 0345781523, trên thẻ sim có dãy số 8984, 04800, 00440, 12170.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn B 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu VIETTEL V6216R; màu đỏ; có số IMEI: 358557067848199, 358557067954195; có gắn thẻ sim mang số thuê bao 0368923530, trên thẻ sim có dãy số 89840, 48000, 01874, 8410.

Tình trạng, đặc điểm chi tiết của vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan điều tra với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình ngày 05/7/2019.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Truy thu của bị cáo Hoàng Văn T số tiền 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Bàn Văn L, Hoàng Văn T, Nông Quốc H, Mai Văn A, Nông Văn B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo Bàn Văn L, Hoàng Văn T, Nông Quốc H, Mai Văn A, Nông Văn B và người có quyền lợi liên quan bà Phạm Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh;
- VKSND huyện Quang Bình;
- Công an huyện Quang Bình;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Quang Bình;
- CCTHADS huyện Quang Bình;
- UBND các xã H, Y, B;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Quý